

Bút Ký

Tháng Ba Đói (6)

GS Bút Xuân TRẦN ĐÌNH NGỌC

Mẹ tôi bảo đưa cơm nếp và bánh trôi cho các con anh chị Thường. Tôi không muốn đi một mình mà rủ chị Ba cùng đi cho vui. Hơn nữa, kể từ hồi đói kém, người ta rất ngại ra đường một mình. Nhìn xung quanh, đâu cũng những con mắt hau háu dò xét xem mình có tiền, có gạo không, có vay vò được không hay còn những ý nghĩ gì nữa, ai mà biết? Khi xưa mùa màng tốt đẹp, dân làng ai cũng có thóc có gạo, có tiền chẳng nhiều thì ít, tẻ lấm cũng đủ ăn, người ta còn đóng góp cho làng, cho xã, còn mua nhiều, mua giáp, khao vọng làng xã ăn uống linh đình. Đâu có thiếu gì những người bỏ tiền ra mua danh mua vọng, đâu có thiếu những tấm lòng vàng khi cần giúp đỡ kẻ trong họ, ngoài làng khi cơ nhỡ, hoạn nạn, lụt lội, cháy nhà v.v...!

Nhưng nay tình trạng ấy không còn nữa. Tất cả chỉ là đói kém, túng thiếu; hạt gạo, củ khoai, cái bắp không còn hoặc còn chút đỉnh dưới đáy vại, đáy chum, nhấm tính cũng biết cái ngày chẳng còn gì. Và sẽ làm sao để sống? Sẽ lấy gì bỏ vào miệng cho mình, cho chồng, cho vợ, cho con? Chao ôi, sao sự thật lại quá phũ phàng thế này? Nhiều nhà còn cả tấn, cả mấy tấn vỏ đay đay nhưng nào thấy Pháp, thấy Nhật đến cần? Cho dù chúng cần và trả rẻ, nắm được ít tiền nhưng ra chợ chẳng thấy một hàng gạo, hàng thóc gì bán! Tình trạng đong gạo như ăn cướp đã xảy ra cả nửa năm nay. Mỗi khi có chị hàng xáo nào ra chợ phiên, đặt thúng gạo xuống là y như có cả chục người vồ lấy giữ cho mình. Họ tranh nhau chí choé, chửi bới nhau vì chậm tay. Rồi chị hàng xáo "hát" bao nhiêu họ cũng trả, đất mấy cũng mua, không kì kèo một tiếng. Tiền xĩa ra trả đủ không thiếu một chĩnh. Có khi lại cho thêm chút đỉnh để khuyến khích và bảo đưa nữa, đưa nữa ra cho họ mua, giá cao hơn cũng được.



Cùng thời gian đó, người ta thấy xuất hiện những hàng bán bánh đúc, bán cháo trắng (cháo hoa) thật nhiều. Gạo xay ra, giã ra cho thành bột, cho nước vào nấu, bỏ thêm chút muối, chút vôi ăn trầu rồi đổ ra bát ăn cơm. Khi nguội nó đông lại có thể cầm trên tay cắn ăn, gọi là bánh đúc. Bánh đúc mấm tôm đi đôi với nhau. Lúc còn no ấm, người ta chế ra bánh đúc dứa, bánh đúc lạc, nghĩa là cho thêm cùi dứa bào nhỏ hoặc nhân lạc vào để bánh đúc có thêm vị bùi, vị béo. Dần dần do sáng kiến, những người bán còn chế ra một loại nước canh tựa như canh riêu cua, có thêm cà chua, có cả rau rút cho thơm, đem xắt nhỏ bánh đúc ra theo chiều dài, lúc khách ăn, bỏ nó vào bát rồi dội nước riêu thật nóng lên. Đang đói mà được thưởng thức một tô canh bánh đúc như thế cũng ngon và mát ruột. Tôi nhớ đã mấy lần mẹ dẫn tôi vào chợ

Đông Xuân Hà Nội, lúc mẹ cho ăn bún vịt xáo măng nhưng có lúc lại canh riêu cua bánh đúc, ăn với rau diếp tươi xanh và ngò hay kinh giới, tía tô thái nhỏ. Thứ nào cũng ngon, cũng hợp khẩu vị! Có người - theo đúng quốc hồn quốc túy - lại còn xin bà hàng cho một muống nhỏ mấm tôm nữa mới vừa lòng!

Bánh đúc lúc đói kém chỉ là bánh đúc thường, có mà ăn cho no là mừng rồi, làm gì dám mơ bánh đúc dứa, bánh đúc lạc, canh riêu bánh đúc, những món ăn cao cấp dành cho quý tộc! Ấy dân ta nghèo nên cả đời chỉ mong ước được no ấm có bấy nhiêu, đâu dám mơ hơn. Vậy mà vẫn không xong chẳng qua cái học của dân ta còn quá cổ lỗ, tri thức về kỹ thuật còn quá ấu trĩ lại chẳng có người đi tiên phong cải cách nên cả ngàn năm cũng vẫn nằm im ở trong cái vỏ sò ngu tối ấy mà thôi. Sau này, có biết bao người tự xưng lãnh tụ, đứng ra dẫn dắt dân chúng nhưng những người ấy, hoặc là không thương dân thương nước, hoặc là đầu óc cũng vẫn còn nằm trong cái vỏ sò u tối, không chịu học hỏi nơi người về kỹ thuật, phát minh và khoa học thực nghiệm, hoặc chỉ chú ý đến chủ nghĩa này, chủ nghĩa kia trên trời dưới biển mà bỏ qua những đường lối thực tế cải cách dân sinh, làm cho dân được khá giả, no ấm, sung sướng nhờ những tri thức kỹ thuật của thời đại vô cùng tiến bộ kể từ thế kỷ 18 khi con người - bắt đầu từ Âu châu - đi vào lãnh vực khoa học để cơ khí hóa nông nghiệp, công nghiệp cũng như mọi lãnh vực khác của đời sống, và chính nhờ thế, con người đã có ngày hôm nay.

Đa phần những người lãnh đạo ở nước ta, cổ cũng như kim, những điều ích quốc lợi dân có thể làm thay đổi đời sống nhân dân thì không dạy mà chỉ dạy những phương cách làm sao để củng cố cái ngại vàng của họ, của phe đảng họ, gia đình họ mà thôi. Cái thói ham quyền lực, chết cũng chưa bỏ được, chết cũng vẫn còn muốn ăn trên ngồi trốc. Thế thì nói yêu nước chẳng hóa ra lộng ngôn lảm sao? Vì vậy mà cả ngàn năm rồi, lại ngàn năm nữa tiếp nối, với cung cách phỉ phàm thời giờ như thế, không biết dân ta có tiến lên được bằng một

phần mười của người không, khi năm 2005, người ta đã lên Sao Hỏa (lên Cung Trăng từ 1969) còn chúng ta, chúng ta chưa làm được cái đỉnh ốc như báo Tuổi Trẻ trong nước viết trong năm 2006! Chúng ta nghĩ thế nào về cái hội chứng di căn ham quyền lực? Chúng ta nghĩ sao về di sản ông cha ta để bao xương máu để lại cho chúng ta và chính chúng ta đã làm gì để xứng với lòng mong mỏi của cha ông? Tôi trộm nghĩ tất cả chúng ta đều có lỗi với tiền nhân, nặng nhẹ tùy theo chúng ta là thủ phạm, tông phạm hay chỉ vì a dua, hèn nhát, khiếp nhược hoặc thờ ơ không dám nói lên sự thực, không dám đối diện với sự thực! Thái độ che giấu, bưng bít ấy là thái độ giật lùi, lạc hậu khác nào kẻ có bệnh giấu diếm không dám nói với y sĩ mình đang mắc một chứng ung thư. Nạn đói tháng Ba đang nói đây cũng chính là một thứ ung thư mà nếu không che giấu, bắt trí như lãnh đạo hồi đó thì 2 triệu dân đâu có chết!

Trở lại với những hàng bánh đúc mắm tôm la liệt một thời ở những ngôi chợ quê mà xưa kia các bà mẹ có tiền thì mua những thứ quà khác ngon hơn như bánh đa kê, bánh dày giò, bánh chưng, bánh giò, các thứ bún hoặc phở v.v... cho con ăn; nay đói kém quá phải rút lại, chỉ mua bánh đúc mắm tôm đã rẻ lại ăn no đỡ cơn được một bữa. Bởi vậy, xưa nay ai cũng biết, nghèo thường không đi một mình mà nó có bạn đồng hành là đói. Đến một lúc, rồi những hàng bánh đúc ở quê tôi cũng như ở mọi nơi, kể cả bánh đúc nấu bằng gạo đỏ, gạo hẩm và cả những hàng cháo tấm, cơm tấm, cháo cám dần dần biến mất bởi còn gạo đâu mà xay bột làm bánh, nấu cháo? Và lại tình trạng cướp cơm nắm, cướp bánh đúc đã xảy ra ở nhiều ngôi chợ khiến những người bán e dè không dám bán nữa. Con đói không dám cho ăn hay chỉ cho ăn cầm chừng, đưa ra chợ bán kiếm tí lời, lại bị cướp sạch, thôi chẳng thà nghĩ buồn nghĩ bán!

Cũng như gạo thóc, cái tình trạng mua cướp, mua giật như đã nói chỉ một thời khoảng ngắn rồi cũng hết bởi chẳng chị hàng xáo nào có thóc xay mãi mà bán gạo, chẳng nhà giàu nào có thóc đổ ra bán hoài. Họ cũng sợ Thần Đói đến viếng. Còn những chị hàng xáo xưa kia, không chừng giờ này các chị và gia đình các chị đang chết đói, đang ngắc ngoải ở một nơi nào đó, nào ai biết! Cho nên lúc này đi ở ngoài đường một mình là rất sợ nhất là trên tay có cầm một vài thứ gì bị nghi ngờ là đồ ăn được nguy trang. “Bản hàn sinh đạo tặc” quả không ngoa! Chị Ba lấy cái thúng nhỏ đặt thổ cơm nếp và thổ bánh trôi vào, lấy vỉ đập, xong lấy mấy cái quần áo cũ vắt lên trên nguy trang rồi đội lên đầu; có ai nhìn thì tưởng đó là quần áo, chẳng ai màng, nhưng nếu họ biết là thức ăn thì sự thể lại khác. Đã có những vụ người làng hay người làng bên cướp giật thức ăn giữa ban ngày. Người ta không còn biết xấu hổ là gì! Tất cả mọi người, mọi con thú còn sống đều chỉ nghĩ đến cái gì ăn được, bỏ bụng cho cái dạ dày bớt cào cấu. Không một thứ luân lí, giáo lí tôn giáo nào còn hiệu nghiệm với những cơn đói kinh hoàng, đói xanh mắt, đói bò lê bò càng, đói khủng khiếp lúc đó nữa. Cướp giật ăn rồi chết có đi lên thiên đàng hay xuống chín tầng địa ngục chẳng nữa, người ta cũng không cần!

Trong gia đình, có một chút thức ăn, người ta phải chia nhau mà sống chứ ngoài xã hội, giữa những người láng giềng, xóm ngõ với nhau thì ngày xưa khác, nay khác. Vì một nắm cơm, một củ khoai có thể trở nên kẻ giết người. Và đã có nhiều người bị giết vì một củ khoai, một nắm cơm! Mà dù có giết người thực đó, ai lí tới? Lí tới bỏ tù được chăng? Một triệu người mong được ở tù để có cơm ăn. Hệ thống hành chính xã thôn đã tê liệt, đã giải tán, đã trở nên bất động vì chính những chức việc cũng đang ở trong hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã: gạo thóc khoai ngô cám bã hết cả rồi! Những người nhanh chân phải bỏ nhà cửa đó dắt díu vợ con ra thành phố ăn xin cầu may qua được cơn đói. Nhưng với đa số, kể là đã quá chậm: không còn gì ăn đường, không đủ sức để lên tới thành phố nữa!

Người nông dân Bắc Việt và cả ở Trung Việt, suốt đời ở trong lũy tre xanh, đến 95% không hề bước chân lên đến thành phố mà họ cho là quá xa xôi, diệu vợi, lạ lẫm và tốn phí. Ngủ ở đâu, ăn ở đâu, đường xá trên tỉnh như mạng nhện, lạc biết đường nào mà trở lại nhà? Lỡ ngớ bị Tây bắt thì sao? Lỡ bị ở tù ai biết mà đi tìm? Lỡ bị móc túi, bị lừa, bị xe cộ cán... một trăm cái “lỡ” nằm trong đầu. Thế nên khi cần phải “di tản chống đói” họ đã quá lúng túng không biết phải làm sao cho đến khi cạn kiệt phương tiện không còn đi được nữa. Đi mình họ, họ đã ngán; nay lại phải dắt díu vợ con cả đàn cả lũ, hàng chục người đi đến một nơi vô định, đường lên thành phố cũng chưa biết, thật là thiên nan vạn nan đối với họ. Lại còn vấn đề trọng đại khác. Bỏ nhà đó mà đi, yên tâm được sao? Nhà là cơ nghiệp cả một đời người xây dựng bằng mồ hôi nước mắt, chân lấm tay bùn. Tất cả nằm trong ngôi nhà, dù lớn dù nhỏ, quá khứ, hiện tại và tương lai. Và bàn thờ gia tiên hương khói cho tròn đạo con, cháu, chất. Nhà cũng ví như cái linh hồn của mỗi gia đình. Nay bỏ nó mà đi, rồi chuyện gì sẽ xảy ra cho nó? Người ta vào lấy trộm các thứ trong nhà: bàn ghế, giường tủ, nôi, xanh đồng... rồi lúc về lấy gì mà dùng? Cửa nẻo bằng gỗ mỏng chỉ đập nhẹ cũng bung ra.

Một điều khác kém quan trọng hơn cái nhà nhưng không phải là dễ mà bỏ đi được. Đó là mồ mả tổ tiên, cha ông. Đi hun hút như thế rồi bao giờ trở lại xóm làng mà tu sửa mồ mả, cúng kiếng, nhang khói cho phải đạo con, đạo cháu? Từ ngàn xưa ông cha mình đã chẳng quan niệm “Sống vì mồ vì mả chứ không sống vì cả bát cơm” đấy sao? Dĩ nhiên lúc cần phải tha phương cầu thực thì phải đi nhưng nghĩ đến mồ mả ông bà bỏ thí đó cho mưa nắng giãi dầu, lòng những người con, người cháu tan nát! Người Việt vốn xưa nay trọng đạo Hiếu với ông bà, cha mẹ và có những gia đình chẳng theo tôn giáo nào nhưng chỉ thờ cúng ông bà, cha mẹ, tổ tiên như những vị thần một lòng kính ngưỡng.

Trở lại vụ hai chị em tôi đến nhà anh chị Thường. Chúng tôi cũng không dám đi tối vì đi tối rất nguy hiểm. Trời ngả muộn muộn, chúng tôi vào nhà anh chị Thường. Con chó Mực không còn, như mọi khi nó đã ra quần quít vì biết người quen. Tôi không hiểu về trường hợp của nó. Đói quá nó đã đi hoang như nhiều con chó khác hay anh Thường đã ra tay làm thịt mang lại cho gia đình anh mấy bữa no bụng? Tôi nhớ con Mực mà không dám hỏi, cũng như con mèo Mướp. Anh chị Thường và đàn con đang ngồi ủ rũ trong nhà thấy chị em tôi tới, mừng rú lên. Lại càng mừng khi chị Ba gỡ cái vỉ che bên trên cùng mấy cái quần áo cũ ngụy trang ra. Mấy đứa nhỏ trở mắt nhìn chăm chăm vào hai cái thố, tôi nghĩ là chúng không chớp mắt. Cả hai anh chị và đàn con đều gầy nhom, nhất là con bé Yêu. Tất cả trên mặt nó chỉ còn đôi mắt. Thật tội nghiệp con bé! Chị Ba để tôi nói:

- Mẹ em kiếm được mấy bơ nếp và ít bột còn sót lại để trong buồng. Mẹ em bảo đem đến một ít cơm nếp và bánh cho các cháu.

Cả bằng ấy cái miệng cùng à lên một tiếng vui mừng. Tôi nghĩ ngày nay những người giàu có ở Mỹ mua được viên hột xoàn 1000 carat, to hơn trái nho, đôi mắt vui mừng của họ cũng không thể so sánh với những đôi mắt của vợ chồng, con cái anh chị Thường đang nhìn hai thố cơm, bánh. Chị Thường nói:

- Dì với cậu ngồi chơi một tí đã.

Chị Ba hỏi:

- Hai bác đâu hả anh chị?
- Nhà hết cả mọi thứ ăn, hai bác đi Tiên Lãng có người em con cô con cậu với bác gái ở đó. Đi cả tháng chưa thấy tin tức gì. Không biết ra sao?, Chị Thường trả lời.

Anh Thường hỏi tôi:

- Cậu còn đi học không, cậu Vũ?
- Em vẫn đến trường, anh Thường. Nhưng chắc sắp sửa không còn đi học nữa vì trường đóng cửa. Các ông giáo nghe nói không nhận được tiền lương cả mấy tháng nay rồi, mà có nhận được thì gạo thóc ở đâu mà mua hả anh chị? Học sinh đã nhiều người bỏ học. Lớp Nhì chính (cours Moyen 2ème année) em đang học trước đây hơn 30 đứa, nay rụng dần chỉ còn khoảng gần hai chục. Không cơm gạo, lòng dạ đâu mà học, hả anh chị?

Anh Thường thở dài:

- Đứng đấy cậu. Tôi e rằng rồi chết đói hết cả cái miền Bắc này. Trong Nam người ta dư gạo ăn nhưng không hiểu sao Chính Phủ không tiếp tế ra Bắc. Còn như đi kiếm ăn thì đi và cậu coi, đi lên tỉnh còn không biết có đi tới nơi không hay chết đói giữa đường, nói gì vào đến Nam bộ.

Mấy đứa trẻ đến quần lầy tôi vì thường ngày chúng vẫn yêu quý tôi. Quả như mẹ tôi nói, đứa nào cũng lỗ đáo hai con mắt mặc dầu còn đi lại nhanh nhẹn. Tôi nhìn chúng mà bồi hồi thương cảm nhưng chẳng biết làm sao! Câu chuyện chấm dứt ở đó vì chị Ba nói phải về kèo đi ban tối rất nguy hiểm.

- Dì và cậu thưa với bà, anh chị và các cháu cảm ơn bà nhiều lắm.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp gia đình anh chị Thường vì chỉ hai tuần sau, anh tôi và tôi theo một người dẫn đường do thầy tôi gửi về, để ra Hải phòng với thầy tôi.

Có hai điều thầy tôi tính toán trong vụ này. Một, để bớt miệng ăn ở quê cho mẹ tôi, vốn rất khó khăn; hai để anh em tôi có thể tiếp tục việc học ở Hải phòng, nơi các giáo viên người Pháp không chịu ảnh hưởng mấy may về trận đói, vẫn tiếp tục dạy như thường. Còn học sinh thành phố cũng có ảnh hưởng nhưng chỉ sơ sài với những gia đình thân thuộc nặng gánh ở thôn quê. Trường tiểu học Pháp đường Bonnal - gần nhà tôi ở phố Chavignon (ngõ Cổ Đạo) - mà tôi đã có học trước kia, thân nhận lại tôi dễ dàng và tôi tiếp tục học ở đó cho đến khi thi đậu bằng Tiểu học Pháp-Việt. Tôi nhớ năm đó thi trễ và làm bài thi bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Việt đều được vì là năm giao thời và học sinh bỏ học nhiều vì đói, vì thời cuộc. Sau đó là cuộc Tổng khởi nghĩa 19-8-1945 của toàn dân Việt nổi lên đánh đuổi Pháp thành công, giành lại Độc Lập, Tự do cho nước nhà. Rồi chương trình Pháp bị bãi bỏ hẳn để thay thế bằng chương trình hoàn toàn Việt. Nhưng lúc đầu chưa đủ sách giáo khoa Việt nên nhiều trường lúng túng, Giáo sư phụ trách cứ dịch sách Pháp ra tới đâu dạy học sinh tới đó nhưng vẫn phải rất dè dặt vì đó là do sáng kiến cá nhân chứ không phải đường lối của Chính phủ

vì phong trào bài Pháp, bài tiếng Pháp dữ dội lắm mà từ trước tới nay, sau 80 năm đô hộ, văn hóa, văn chương Pháp đã ăn sâu vào giới học sinh, sinh viên cũng như giới thầy giáo Việt Nam; nay một lúc bỏ hẳn đi biết lấy gì thay thế, biết lấy gì mà dạy, mà học?

Ngày nay, để viết những trang hồi ức này, tôi phải tỉnh tâm ngồi nhớ lại từng chi tiết của một thời gió bụi điêu linh, chiến tranh tiêu thổ, đồng không nhà trống, nơi đâu cũng là chết chóc, khói lửa, hoang tàn, đâu cũng là tang thương, biến đổi, đói khổ, rạc ròi... Tất cả những đói rét, bệnh tật đó giao thoa với nhau thành những hình ảnh lộn xộn có thể ví như một mớ bòng bong mà tôi tin rằng còn nhiều điều tôi quên do đã quá lâu, trí nhớ phai mờ vì năm tháng và do sự xúc động quá độ khi nhắc đến chúng, những biến cố thê thảm, xót xa trong tâm tư mà tôi đã chứng kiến. Tôi muốn nói đến những đau thương dồn dập đổ lên đầu đồng bào tôi khắp Bắc Trung Nam suốt 100 năm qua! Tôi nhớ đến anh chị Thường và các cháu. Nhớ đến chú thím Vang, hai bác Tiêm, chú thím Dũng và hàng chục người trong xóm cây Bàng thân thiết của gia đình. Tôi nhớ những thằng bạn cùng lứa, đã đi học, đi chơi với nhau, đi bẫy chim khuyên, đặt tổ sáo, vào các chùa và nhà thờ bắt hàng đàn sẻ vật lông, mổ bụng, ướp tiêu hành, thui trên than hồng cho chín rồi chấm muối tiêu ăn với nhau vô cùng thú vị. Bọn tôi cũng làm điều, đua điều, cho điều đeo bộ sáo để nghe sáo thổi vì vu cả đêm; đi tắm sông, bơi thi; đi coi hội Xuân làng bên, trêu ghẹo các cô thôn nữ mới lớn, đấu vật, đá banh, đánh volley-ball, theo thuyền mùa gặt ra đồng mót lúa, kéo đá... Biết bao là cuộc vui, biết bao là kỉ niệm! Nhưng tháng Ba năm đói đã hóa thân hầu hết những thằng bạn tôi, đã xóa sổ chúng vĩnh viễn.

Ra Hải phòng, tôi vẫn không quên được anh chị Thường và các cháu nhất là mỗi bữa cơm, ngồi bưng bát cơm mà nước mắt cứ rưng rưng. Thầy tôi và chúng tôi có Sở Gia Đình nên mỗi tháng được mua gạo hai lần. Tiệm gạo ở ngay cạnh nhà, ông bà chủ tiệm - ông bà Kinh - rất quý mến thầy tôi vì họ là bệnh nhân của thầy tôi lâu ngày, từ khi họ còn buôn bán đồ điện ở phố Khách. Sau vụ đói, khi gặp lại, chị gái tôi kể cho tôi nghe về cảnh bi thảm và tận cùng của gia đình anh chị Thường. (Và có lẽ của hàng ngàn gia đình khác tương tự) Tôi nghe chị kể mới một đoạn đã òa lên khóc, chị cũng khóc nức nở như họ chính là những người ruột thịt máu mủ thương yêu nhất đời, chúng tôi muốn bảo vệ, giúp đỡ họ suốt đời mà không được.

Ngày nay nghĩ lại, sau khi đổ lỗi hết cho đám người này đến đám người kia là thủ phạm vụ đói tháng Ba mà chẳng đi đến đâu, tôi lại nghĩ rằng dân tộc Việt quá bất hạnh, quá bạc phước. Có thể đổ cho tiền nhân đã ăn ở thất đức chăng? Giết người, chiếm thành, chiếm đất? Xóa sổ cả một dân tộc? Hay còn gì gì khác mà oan khiên cứ trải dài trước mặt như những con đĩa đói hút máu người? Mới tránh được cái "vỏ dưa" đô hộ của giặc Tàu 1,000 năm, giặc Tây 100 năm với thân phận nô lệ thì lại tiếp ngay cái "vỏ dưa" tòi tẹt (bỏ một đoạn) do những trụ triết gia khủng từ nơi nào nơi nào vát vào chân, chịu liên tiếp đến nay hơn năm đau nhức, chết chóc, điên loạn, đói khổ, chết cả 10 triệu người một cách phi lí vì cuộc chiến vô nghĩa, mất cả mà đến giờ này vẫn chưa bùng!

Chúng ta thử tưởng tượng hàng trăm ngàn gia đình bao gồm hai triệu người, ai cũng có người thân kẻ sơ, ai cũng tha thiết với gia tộc, đậm đà với tình làng nghĩa xóm mà vì đói nay chết rũ hết cả, xương tan thịt nát hết cả, biến mất trên cõi đời hết cả chỉ trong thời gian hơn một năm thì sự đau lòng ấy lấy gì mà đong được? Tôi xin kể chuyện hai gia đình, một ở Kiên Lao, một ở Xuân Bàng, thuộc phủ Xuân trường, Nam Định, gần làng tôi. Thực ra, còn nhiều gia đình tương tự ở rải rác khắp miền bị đói, Bắc Việt và Bắc Trung Việt đồng cảnh ngộ vì họ có những điểm chung nên chỉ kể sơ một để suy ra những gia đình còn lại. Điểm chung của họ là giàu, có thể gọi là ruộng sâu trâu nái, tư điền cũng phải vài, ba chục mẫu trở lên; nòi đồng mậm thau hàng mấy chục, trâu bò mấy con, thóc lúa đầy cót đầy bồ. Dân khá giả như thế vào thập niên 40 ở Bắc Việt và Bắc Trung Việt không có nhiều trừ một số biết cách làm tiền trong hàng quan lại hoặc làm ăn buôn bán lớn với người Pháp. Có vài, ba mẫu ruộng tư nhất đẳng điền, trong cót có trăm thùng thóc, có bát ăn bát để, người hàng xã hàng tổng đã coi là giàu. Còn những người được tiếng là giàu nứt đố đổ vách như ông Tàu Hui Bon Hoa thường được gọi là chú Hỏa ở Sài Gòn, một ông Tàu buôn bán ve chai khi mới sang Việt Nam sau đó trở thành tỉ phú có hàng dãy nhà ở Sài Gòn; bà Nguyễn thị Năm ở Hải Phòng (bỏ một đoạn) sau bị xử bắn trong đợt I Cải cách ruộng đất), gia đình Bạch Thái Bưởi v.v...và nhiều người tôi không biết, thì khá hiếm. Có thể nói miền Nam đa số người giàu hơn miền Bắc và miền Bắc nhiều người khá hơn miền Trung vì đất đai, địa dư, khí hậu, phong thổ v.v... nhưng đó không phải là điều đang bàn ở đây.

Bút Xuân chỉ muốn nói đất nước hai miền Bắc và Trung thời đó làm ăn khó khăn, phần nhiều là nông tang mà nông tang thì chịu ảnh hưởng thời tiết, khí hậu rất nhiều nên dăm, ba năm lại có một trận đói nhỏ, chết lại rải từng vùng do bão lụt hay mất mùa đói kém, kinh tế trầm trệ. Những năm được mùa thì làng xóm vui vẻ sầm

uất lấm và có một điều đáng để ý là tình làng nghĩa xóm rất đầm thắm, quý mến tôn trọng người già, thương yêu trẻ nít, giúp đỡ kẻ tàn tật, ai theo đạo nấy nhưng sùng bái và thành khẩn, lương giáo đề huề. Đến giờ này, những vị đã bảy, tám, chín mươi tuổi còn sống cũng vẫn công nhận điều đáng quý đó ở cả ba miền Bắc Trung Nam. Nhưng như nhiều người nhận xét, cái nét phong hoá đáng yêu, đáng trọng ấy ngày nay đã mất hẳn kể từ 1945 chỉ vì chính trị đi vào trong làng xóm thì tình nghĩa đi ra ngoài, chỉ vì người ta đề cao chủ nghĩa (bỏ một đoạn) mà không nhớ rằng chính truyền thống dân tộc, tình yêu nước đã ăn sâu vào huyết thống, chính văn hóa cổ truyền "*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*" đã làm nên những kỳ tích Trưng, Triệu, Quang Trung, Lê Lợi, Hưng đạo Vương, Nguyễn thái Học và 12 liệt sĩ Yên Bái, Đề Thám, Yết Kiêu, Trần quốc Toản và hàng ngàn anh hùng liệt nữ hào hùng khác của dân tộc chúng ta không thể kể hết. Sau 1945, người cùng làng, cùng tổng, cùng tỉnh hay cùng đồng bào với nhau không còn đối xử tương thân tương ái như thời kỳ Pháp thuộc trở về trước nữa mà nhòm ngó, dò xét nhau đến nỗi nhà này ăn cái gì nhà kia cũng biết và ngược lại. Con người đánh mất tình thương, nghĩa đồng bào xây dựng từ bao đời. Thật đáng tiếc cho truyền thống nhân hoà, cho tình làng nghĩa xóm ở nước ta (bỏ một đoạn) mà tan nát và thụt lùi sau nhiều nước ở Đông Nam Á như Singapore cả vài thế kỷ!! (bỏ một đoạn). Rốt cuộc nhân dân ta đã được tất cả những gì như chúng ta thấy ngày nay?